TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2025/DS-ST
Ngày: 14/4/2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH - TỈNH ĐỒNG THÁP

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Loan;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Phước;

2. Bà Nguyễn Thùy Trang;

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Ngô Thái Thiên Thanh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Bạch Nhạn - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 395/2024/TLST-DS ngày 7 tháng 11 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2025/QĐXXST-DS ngày 7 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2025/QĐST-DS ngày 28 tháng 03 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng N;

Địa chỉ trụ sở chính: Số B, L, B, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: ông Phạm Toàn V - Chức vụ: Tổng Giám Đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đinh Văn H - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N (A)– Chi nhánh huyện C.

Ông Đinh Văn H ủy quyền cho ông Nguyễn Thanh Đ - Chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng N (A)– Chi nhánh huyện C (có mặt).

Địa chỉ: Số B, QL H, ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Ông Đào Văn S, sinh năm 1967 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Phan Kim H1, sinh năm 1967 (vắng mặt);

Đăng ký thường trú: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Chỗ ở hiện nay: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn Ngân hàng N – Chi nhánh huyện C (gọi tắt là Ngân hàng) có ông Nguyễn Thanh Đ đại diện trình bày:

Ngày 20/08/2020 ông Đào Văn S có vay tại Ngân hàng N, chi nhánh huyện C số tiền 100.000.000đ để phục vụ kinh doanh và mua sắm đồ dùng sinh hoạt theo hợp đồng tín dụng số 6503LAV202002306 ngày 20/8/2020. Thời hạn trả nợ cuối cùng là ngày 11/9/2023 Ngân hàng đã giải ngân các khoản tiền trên cho người nhận là ông Đào Văn S.

Khi vay Ngân hàng có giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số phát hành CX 322462 do sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đ cấp ngày 24/7/2020 thuộc thửa 475 tờ bản đồ số 47 diện tích 7.181m^2 tọa lạc tại xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Từ khi vay đến nay thì ông Đào Văn S chưa trả cho Ngân hàng tiền gốc và lãi phát sinh theo thỏa thuận.

Tiền lãi tạm tính đến ngày 14/4/2025 là 30.839.178 đồng (Ba mươi triệu tám trăm ba mươi chín nghìn một trăm bảy mươi tám đồng). Tổng tiền gốc và lãi là 130.839.178 đồng (Một trăm ba mươi triệu tám trăm ba mươi chín nghìn một trăm bảy mươi tám đồng). Theo hồ sơ vay vốn thì ông Đào Văn S và vợ là bà Phan Kim H1 có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng theo hợp đồng đã ký kết.

Vì vậy, Ngân hàng yêu cầu ông Đào Văn S và bà Phan Kim H1 có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền 130.839.178đồng (Một trăm ba mươi triệu tám trăm ba mươi chín nghìn một trăm bảy mươi tám đồng) trong đó tiền vốn gốc 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) và tiền lãi tạm tính đến ngày 14/4/2025 là 30.839.178 đồng (Ba mươi triệu tám trăm ba mươi chín nghìn một trăm bảy mươi tám đồng). Ngân hàng yêu cầu ông Đào Văn S và bà Phan Kim H1 tiếp tục trả lãi phát sinh đến khi trả hết nợ.

Khi ông S, bà H1 trả tất nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng sẻ trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số phát hành CX 322462 do sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đ cấp ngày 24/7/2020 thuộc thửa 475 tờ bản đồ số 47 diện tích 7.181m^2 tọa lạc tại xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn ông Đào Văn S và bà Phan Kim H1 trong suốt quá trình từ khi Tòa án thụ lý đến khi hòa giải và xét xử, mặc dù Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng nhưng ông S và bà H1 vắng mặt không lý do và không có ý kiến trình bày.*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu quan điểm về tuân thủ pháp luật tố tụng và nội dung giải quyết vụ án (có bài phát biểu kèm theo).

- Về tuân thủ pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn và người liên quan không tuân thủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N – Chi nhánh huyện C, buộc ông Đào Văn S và bà Phan Kim H1 cùng có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng số tiền 130.839.178 đồng (Một trăm ba mươi triệu tám trăm ba mươi chín nghìn một trăm bảy mươi tám đồng) trong đó tiền vốn gốc 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) và tiền lãi tạm tính đến ngày 14/4/2025 là 30.839.178 đồng (Ba mươi triệu tám trăm ba mươi chín nghìn một trăm bảy mươi tám đồng). Đồng thời ông Đào Văn S và bà Phan Kim H1 tiếp tục trả lãi phát sinh kể từ ngày 15/4/2025 cho đến khi trả xong nợ.

Khi ông S, bà H1 trả xong nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng sẻ trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số phát hành CX 322462 do sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đ cấp ngày 24/7/2020 thuộc thửa 475 tờ bản đồ số 47 diện tích 7.181m^2 tọa lạc tại xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

+ Về án phí đương sự phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1 Về quan hệ pháp luật cần giải quyết: Theo đơn khởi kiện Ngân hàng N – Chi nhánh huyện C yêu cầu ông Đào Văn S và bà Phan Kim H1 trả tiền vốn vay và lãi phát sinh. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ dân sự về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

1.2 Về thẩm quyền giải quyết: Hiện ông S và bà H1 cư trú tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp nên theo điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

1.3. Ông Đào Văn S và bà Phan Kim H1 đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa căn cứ điều 227, xét xử vắng mặt ông S và bà H1.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu của Ngân hàng, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

Bà Phan Kim H1 có ủy quyền cho ông Đào Văn S để vợ chồng vay vốn tại Ngân hàng N- Chi nhánh huyện C, số tiền 100.000.000đ. Thời gian duy trì hạn mức là 36 tháng kể từ ngày ký đến ngày 17/8/2023.

Ngân hàng đã giải ngân đủ số tiền 100.000.000 đồng cho ông Đào Văn S (theo báo cáo đề xuất cho vay kim giấy nhận nợ lần 3, lần 4).

Qua tài liệu Ngân hàng cung cấp như Hợp đồng tín dụng, giấy ủy quyền, phương án sử dụng vốn vay, báo cáo đề xuất cho vay kim giấy nhận nợ lần 3, lần 4… đều có chữ ký và chữ viết họ tên Đào Văn S nên Ngân hàng có cơ sở khởi kiện ông Đào Văn S và bà Phan Kim H1 tại Tòa án. Cũng theo những tài liệu trên thì các khoản vay đã quá hạn thanh toán nhưng ông S và bà H1 chưa trả cho Ngân hàng.

Theo khoản 2 Điều 91 Bộ luật tố dụng dân sự quy định: *Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó.*

Mặc dù Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải… để cho ông Đào Văn S và bà Phan Kim H1 biết nội dung mà Ngân hàng đang khởi kiện nhưng các đương sự không đến Tòa án và cũng không có văn bản ý kiến phản hồi về việc này.

Tại khoản 4, Điều 91 Bộ luật tố dụng dân sự quy định: *Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ.*

Xét trong vụ án này và cũng theo quy định trên cho thấy, mặc dù ông Đào Văn S và bà H1 biết khoản nợ vay của mình tại Ngân hàng chưa trả xong và Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng đúng quy định nhưng các đương sự không đến Tòa án, xem như đương sự đã từ bỏ quyền lợi của mình về việc trình bày ý kiến liên quan các khoản vay mà Ngân hàng đang kiện.

Mặc dù các khoản vay tại Ngân hàng do ông S là người trực tiếp ký hợp đồng và nhận tiền giải ngân nhưng được bà H1 thống nhất ủy quyền việc vay và cam kết chịu trách nhiệm đối với khoản vay theo hợp đồng ủy quyền ngày 17/08/2020, mặc khác mục đích vay tiền là để kinh doanh và mua sắm đồ dùng sinh hoạt, sửa chữa nhà ở.

Do đó Hội đồng xét xử sẽ căn cứ vào tài liệu do Ngân hàng cung cấp để buộc ông Đào Văn S và bà Phan Kim H1 có trách nhiệm trả khoản vay và lãi phát sinh, cụ thể: Tiền gốc 100.000.000 đồng và tiền lãi 30.839.178 đồng tạm tính đến ngày14/4/2025. Ông S và bà H1 tiếp tục trả lãi phát sinh kể từ ngày 15/4/2025 với mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng cho đến khi trả xong nợ.

Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 475 tờ bản đồ số 47 do ông Đào Văn S đứng tên quyền sử dụng hiện nay Ngân hàng đang giữ bản chính. Theo hợp đồng tín dụng thì đây là khoản vay không có tài sản đảm bảo.

Vì vậy, quyền sử dụng thửa đất 475 tờ bản đồ số 47 không phải là tài sản đảm bảo của hợp đồng tín dụng số 6503LAV202002306 ngày 20/8/2020. Do đó, Ngân hàng có nghĩa vụ giao trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên cho ông Đào Văn S khi ông S, bà H1 thanh toán xong vốn gốc và lãi cho Ngân hàng.

[2.3] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng nên ông S và bà H1 phải chịu án phí theo quy định.

[3] Qua nội dung phân tích trên, xét đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều 91, các Điều 147, 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N – Chi nhánh huyện C.

Buộc ông Đào Văn S và bà Phan Kim H1 cùng có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng N – Chi nhánh huyện C tiền nợ gốc 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) và tiền lãi 30.839.178 đồng (Ba mươi triệu tám trăm ba mươi chín nghìn một trăm bảy mươi tám đồng) (tạm tính đến ngày 14/4/2025). Đồng thời ông S và bà H1 tiếp tục trả lãi phát sinh kể từ ngày 15/4/2025 với mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng cho đến khi trả xong nợ.

Ngân hàng N – Chi nhánh huyện C có nghĩa vụ trả cho ông Đào Văn S giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CX 322462 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đ cấp ngày 24/7/2020 thuộc thửa 475 tờ bản đồ số 47; tọa lạc tại xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp khi ông Đào Văn S và bà Phan Kim H1 trả xong nợ cho Ngân hàng.

2. Về án phí: Ông Đào Văn S và bà Phan Kim H1 chịu án phí 6.541.958 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng N - Chi nhánh huyện C Ngân hàng được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 3.051.000 đồng (Ba triệu không trăm năm mươi mốt nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0013736 ngày 6/11/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp;
- VKS nhân dân huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Chi cục THA dân sự huyện Châu Thành;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(*Đã ký)*

Nguyễn Thị Hồng Loan